



MỸ PHẨM SÀI GÒN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TÀI KHÓA NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

930 Nguyễn Thị Định, Khu Công nghiệp Cát Lái (cụm II)

Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.28) 3742 1104 - 3742 1105

Fax : (84.28) 3742 1100 -3742 1101

Email : info@saigoncosmetics.com

www.saigoncosmetics.com

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Thông tin khái quát

Lịch sử phát triển

Ngành nghề và Địa bàn kinh doanh

Cơ cấu tổ chức

Thông tin cổ đông và Ban điều hành

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

CÁC BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Báo cáo Ban kiểm soát

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý cổ đông, các nhà đầu tư,

Kinh tế Việt Nam trong năm 2017 khả quan hơn năm 2016 với ổn định kinh tế vĩ mô được duy trì vững chắc, tăng trưởng kinh tế phục hồi rõ nét và đồng đều, thị trường tài chính có những chuyển biến tích cực, cân đối ngân sách được cải thiện.

Với những dự báo về tình hình kinh tế trong năm, Hội đồng Quản trị đã có những chiến lược, chỉ đạo đúng đắn, cùng với sự điều hành linh hoạt nhiều sáng tạo của Ban Tổng Giám đốc và nỗ lực của cán bộ, nhân viên công ty là một trong những yếu tố chính đã giúp SCC vượt qua những thách thức, tiếp tục phát triển mạnh mẽ. SCC được người tiêu dùng tin nhiệm dù trong giai đoạn kinh tế chưa khởi sắc lắm, nhưng công ty vẫn tăng trưởng vượt mức doanh thu, lợi nhuận đề ra.

Với kết quả kinh doanh vượt kế hoạch trong năm 2017 là thành quả của sự nỗ lực và khát vọng thành công của đội ngũ công nhân viên SCC và đặc biệt là Ban điều hành. Thay mặt cổ đông công ty, tôi xin gửi đến đội ngũ SCC sự ghi nhận sâu sắc vì những đóng góp quý báu này.

Trước sự biến động khó lường của thị trường, trước sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt, dự báo kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn trong năm 2018. Chúng tôi nhận định rõ những cơ hội và thách thức của năm nay và tin tưởng rằng với năng lực và nguồn lực của SCC sẽ nỗ lực để thực hiện thành công những nhiệm vụ theo định hướng chiến lược đã đề ra trong năm 2018.

Thay mặt Công ty, HĐQT tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý khách hàng, các cổ đông, đối tác trong và ngoài nước, Ban điều hành cùng đội ngũ cán bộ công nhân viên công ty đã luôn đồng hành và ủng hộ để Công ty CP Mỹ phẩm Sài Gòn luôn đạt được nhiều thành quả mới.

Mong rằng trong thời gian tới Công ty tiếp tục được sự cộng tác và hỗ trợ của quý vị đó chính là nguồn động viên, khích lệ rất lớn, tiếp thêm sức mạnh cho chúng tôi để Công ty CP Mỹ Phẩm Sài Gòn sẽ mãi xứng đáng với sự tin nhiệm của quý vị.

Cuối cùng kính chúc quý vị được nhiều sức khỏe, thành công trên mọi lĩnh vực.
Xin chân thành cảm ơn.

Tp. HCM, ngày 28 tháng 04 năm 2017

TM. Hội Đồng Quản Trị

Chủ Tịch



Nguyễn Kim Hoa

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

✓ Thông tin khái quát

- Vốn điều lệ : 84.630.390.000 đồng
- Vốn đầu tư chủ sở hữu : 84.630.390.000 đồng
- Địa chỉ : 930 Nguyễn Thị Định, Khu CN Cát Lái(cụm II), P Thạnh Mỹ Lợi, Q2, TP.HCM.
- Điện thoại : 84-28 -37421104
- Số fax: 84-28 -37421100
- Website : www.saigoncosmetics.com

✓ Lịch sử phát triển

Những sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển công ty

➤ Giai đoạn công ty là doanh nghiệp nhà nước (1990 đến 1999)

- **Năm 1990:** thành lập Xí nghiệp Mỹ phẩm Sài Gòn, tiền thân là hãng nước hoalmortel trước năm 1975.
- **Năm 1992:** Xí nghiệp Mỹ phẩm Sài Gòn được chuyển thành Công ty Mỹ phẩm Sài Gòn, trực thuộc Sở Công Nghiệp, hạch toán độc lập.

➤ Giai đoạn cổ phần hóa (1999 -2017)

- **Năm 1999:** Trở thành Công ty cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn theo Quyết định số 1135/QĐ-TTg ngày 07/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 28/01/2000.
- **Năm 2001 đến 2003:** Triển khai và áp dụng thành công ISO 9001: 2000 vào công tác quản trị hệ thống
- **Năm 2003 đến 2005:** Đầu tư mua và xây dựng nhà máy mới tại 930 Nguyễn Thị Định, Khu Công nghiệp Cát Lái 2, Quận 2, TP.HCM.

Năm 2005 : Nhận chứng chỉ ISO 9001:2000

- **Năm 2006 :** Khánh thành nhà máy, di dời toàn bộ 3 nhà xưởng cũ về nhà máy mới hoạt động với dây chuyền sản xuất khép kín, máy móc thiết bị hiện đại.

Bao gồm 1 khu văn phòng; 03 phân xưởng sản xuất chính: nước hoa, xà bông, và dầu gội; 02 khu pha chế và 01 kho hàng.

- **Năm 2007:** Chính thức trở thành công ty đại chúng, công bố thông tin theo quy định
- **Năm 2009 :**Xây dựng hệ thống phân phối và xây dựng thương hiệu hướng đến cộng đồng
- **Năm 2000-2017:** Doanh nghiệp tiêu biểu TPHCM
- **Năm 2017:** Tái cấp chứng nhận ISO 9001:2015 và chứng nhận sản xuất mỹ phẩm sạch theo tiêu chuẩn cGMP ASEAN

Các danh hiệu nổi bật

Qua hơn 28 năm hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã vinh dự đạt được rất nhiều danh hiệu, trong đó nổi bật bao gồm :

Năm	Tên danh hiệu	Tổ chức trao tặng
1994	Huân chương lao động hạng Ba	Chủ tịch nước
2000	Huân chương lao động hạng Nhì	Chủ tịch nước
2004	Thương hiệu mạnh	Thời báo Kinh tế Việt Nam
2005	Thương hiệu Việt yêu thích	Thời báo Kinh tế Việt Nam
2006	“Top 5” ngành hàng mỹ phẩm của cả nước	Báo Sài gòn tiếp thị
2006	Huân chương lao động hạng Nhất	Chủ tịch nước
2007	Doanh nghiệp mỹ phẩm duy nhất được giải thưởng “ WIPO ” về sở hữu trí tuệ	Liên Hiệp Quốc
2007	Bảng danh dự đã có thành tích xuất sắc trong việc hỗ trợ các tài năng sáng tạo Khoa học – Công nghệ Việt Nam giai đoạn 2005-2007	Quỹ hỗ trợ sáng tạo Kỹ thuật Việt Nam (VIFOTEC)
2008 - 2010	Thương hiệu nước hoa Miss Saigon đạt giải thưởng “Thương hiệu nổi	VCCI & SC Nielsen

	tiếng”	
2009	Top 500 thương hiệu mạnh	VCCI
2010	Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh xuất sắc trong 05 năm liền	Thủ tướng chính phủ
1997 - 2017	Hàng Việt Nam chất lượng cao 20 năm liền tiếp (1997 – 2015) và được người tiêu dùng bình chọn : “Sản phẩm tốt nhất”.	Hiệp Hội Hàng Việt nam Chất Lượng Cao
2011	Cúp vàng Top ten Thương hiệu Việt- ứng dụng khoa học kỹ thuật	TT NC-UD Phát triển Thương hiệu Việt
2011	Sao Vàng Đất Việt	Hội Doanh nhân trẻ VN
2007 - 2011	Cúp Bông Hồng Vàng 5 năm liền	VCCI
2012	Top 1000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập doanh nghiệp lớn VN	VN report và tạp chí thuế, Vietnam net
2013	Sao Vàng Đất Việt	Hội Doanh nhân trẻ VN
2014	Trở thành 1 trong những đơn vị đầu tiên trong ngành mỹ phẩm đạt được chứng nhận CGMP ASEAN và chứng chỉ ISO 9001:2008	
2000-2017	Doanh nghiệp tiêu biểu TPHCM	UBNDTP

✓ N

gành nghề và địa bàn kinh doanh

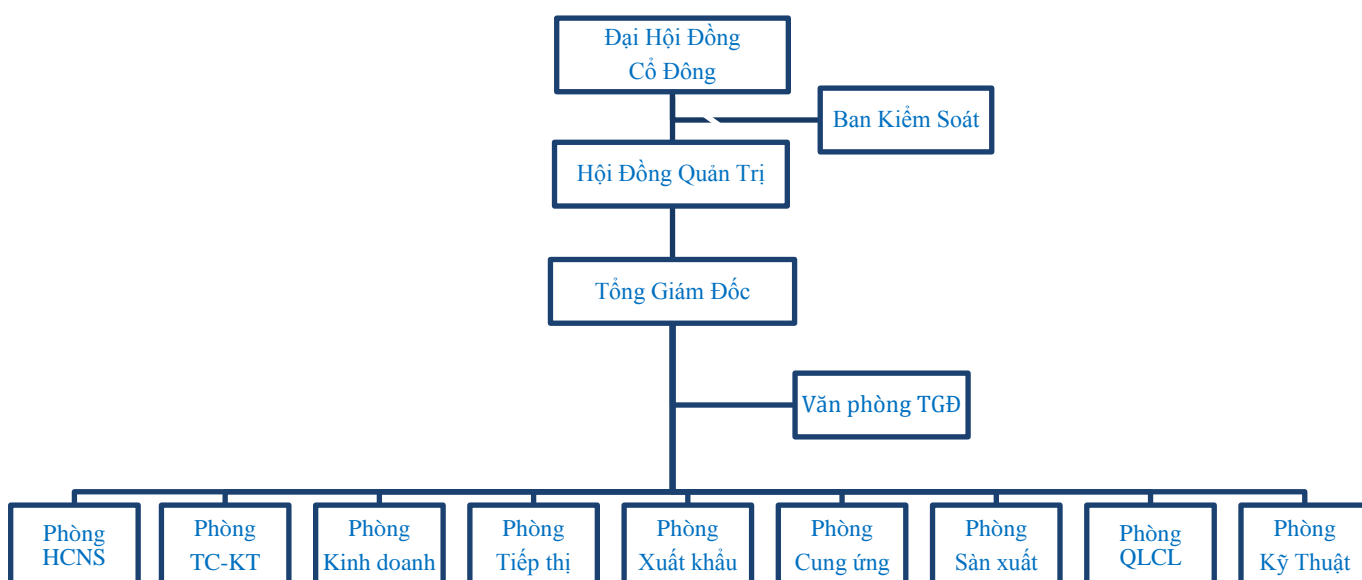
Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, kinh doanh các loại mỹ phẩm : nước hoa, dầu gội, sữa tắm, xịt phòng, và các loại chất tẩy rửa.
- Xuất nhập khẩu trực tiếp mỹ phẩm, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh hóa mỹ phẩm.
- Cho thuê nhà ở, văn phòng.

Địa bàn kinh doanh : Công ty sản xuất và phân phối mỹ phẩm trong và ngoài nước

- Trong nước : phân phối tại các tỉnh thành như TP.HCM, Hà Nội, và các tỉnh thành.
- Ngoài nước : Công ty xuất khẩu mỹ phẩm đi các nước tại khu vực Đông Nam Á như : Lào, Cuba, Myanmar, Thái Lan, Campuchia, Trung quốc...

✓ **Cơ Cấu Tổ Chức Công Ty**



Số lượng lao động

Tổng số lượng lao động hiện nay tại Công ty là 302 người.

Cơ cấu lao động phân theo đối tượng lao động

Đối tượng lao động	Số người	Tỷ lệ
Lao động trực tiếp	93	31%
Lao động gián tiếp	209	69%
Tổng cộng	302	100%

Cơ cấu lao động phân chia theo trình độ

Trình độ	Số người	Tỷ lệ
Trên đại học	05	2%
Đại học	72	24%
Trung cấp	15	5%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	210	69%
Tổng cộng	302	100%

✓ Thông tin cổ đông và Ban điều hành

➤ Hội Đồng Quản Trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, gồm 05 thành viên, quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Stt	Họ và tên	Chức danh	Sinh năm	Chuyên môn
1	Nguyễn Kim Thoa	Chủ tịch HĐQT	1954	Kỹ sư Hóa
2	Lý Nguyễn Lan Phương	Thành viên HĐQT	1984	Cử nhân Tài Chính
3	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên HĐQT	1976	Cử nhân Dược
4	Lê Duy Cường	Thành viên HĐQT	1967	Kỹ sư Hoá
5	Huỳnh Khôn	Thành viên HĐQT	1945	Cử nhân Kinh tế

Trong số năm thành viên của Hội đồng Quản trị có một thành viên là thành viên độc lập không tham gia vào điều hành. Các thành viên HĐQT thường xuyên liên lạc, tổ

chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng nhằm thảo luận về tình hình hoạt động của công ty kịp thời đưa ra những quyết định định hướng cho Ban điều hành.

➤ **Ban Kiểm Soát**

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Stt	Họ và tên	Chức danh	Sinh năm	Chuyên môn
1	Phan Văn Dũng	Trưởng ban	1960	Tiến sĩ QTKD
2	Lê Quang Dũng	Thành viên	1973	Thạc sĩ QTKD
3	Đào Nam Việt	Thành viên	1954	Kỹ sư Hóa

Trong năm 2017, Ban Kiểm Soát đã xem xét toàn diện hoạt động của công ty để báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Thù lao của Hội Đồng Quản trị và Ban Kiểm Soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định tỉ lệ 2.5% /LNTT.

➤ **Ban Điều Hành**

Stt	Họ và tên	Chức danh	Sinh năm	Chuyên môn
1	Lý Nguyễn Lan Phương	Tổng Giám đốc	1984	Cử nhân Tài Chính
2	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Giám đốc Hành chính nhân sự	1976	Cử nhân Dược
3	Lê Quang Dũng	Giám đốc xuất khẩu	1973	Cử nhân Luật
4	Lê Duy Cường	Giám đốc Kỹ Thuật Đảm Bảo Chất Lượng	1967	Kỹ sư Hoá
5	Đào Nam Việt	Giám đốc Sản xuất	1954	Kỹ sư Hoá
6	Nguyễn Phước Hưng	Giám Đốc Kinh doanh	1982	Thạc sĩ QTKD

7	Vương Ngọc Dũng	Giám đốc tiếp thị	1978	Cử nhân ngân hàng
8	Bùi Quang Lộc	Giám đốc KH - PTDA	1982	Cử nhân Tài Chính
9	Trần Ngọc Cẩm	Giám đốc Tài chính	1964	Cử nhân Kinh tế
10	Nguyễn Quốc Sử	Giám đốc Cung ứng	1963	Kỹ sư Hoá

➤ **Số lượng cổ phiếu sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị 31/12/2017:**

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/vốn cổ phần hiện tại
1	Bà Nguyễn Kim Thoa	1.863.902	23.1%
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	196.322	2.4%
3	Ông Huỳnh Khôn	527.900	6,55%
4	Ông Lê Duy Cường	189.276	2.3%
5	Bà Lý Nguyễn Lan Phương	1.085.323	13.5%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2017

I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

1. Đánh giá các yếu tố thuận lợi và khó khăn trong năm 2017

Thuận lợi:

- GDP Việt Nam năm 2017 dự kiến tăng trưởng 6.81%, lạm phát được kiểm soát ở mức vừa phải, chỉ số giá tiêu dùng CPI năm 2017 ước tính tăng 3,53%. Kinh tế vĩ mô nhìn chung ổn định nên thu nhập và mức tiêu dùng của người dân có cải thiện.
- Chi tiêu của người tiêu dùng Việt Nam cho mỹ phẩm đang có xu hướng tăng dần qua các năm.
- Thương hiệu của Công ty có uy tín và được người tiêu dùng tin tưởng và lựa chọn sản phẩm để sử dụng trong nhiều năm.
- Quy trình sản xuất mỹ phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế CGMP.

Khó khăn

- Cạnh tranh gay gắt khi thị trường mỹ phẩm Việt Nam bị chi phối bởi những doanh nghiệp nước ngoài đang chiếm 90% thị phần tại Việt Nam
- Cạnh tranh không lành mạnh từ các sản phẩm giả và các sản phẩm kém chất lượng không rõ nguồn gốc trên thị trường.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban Điều Hành đã thực hiện các chiến lược kinh doanh phù hợp nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu đã đề ra, cụ thể như sau:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	<u>KH 2017</u>	<u>TH 2017</u>	<u>TH 2016</u>
Doanh thu	310	333	276
Lợi nhuận trước thuế	28,4	47,6	24,9

- Doanh thu hoạt động SX kinh doanh năm 2017 là 333 tỷ đồng, đạt 107.49% so với kế hoạch và tăng 20.71% so với năm 2016 .
- Lợi nhuận trước thuế năm 2017 là 47,6 tỷ đồng, đạt 167,68% so với kế hoạch và tăng 91,06% so với năm 2016.

Để vượt mục tiêu kế hoạch kinh doanh, trong năm 2017, Công ty tập trung thực hiện chiến lược tăng trưởng bền vững thông qua các biện pháp như sau:

Về hoạt động kinh doanh

- Đẩy mạnh phát triển các thương hiệu chủ lực thông qua việc mở rộng các kênh phân phối và tăng cường các hoạt động truyền thông.
- Phát triển sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu thị trường và loại bỏ những sản phẩm không hiệu quả, đẩy mạnh dòng sản phẩm chăm sóc cá nhân.
- Đẩy mạnh bán hàng sản phẩm trung cao cấp và tập trung vào thị trường trong nước.
- Đẩy mạnh hoạt động tiếp thị các sản phẩm cao cấp.
- Gia tăng doanh thu gia công nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả của công ty.

Về hoạt động sản xuất

- Tiếp tục duy trì chất lượng sản phẩm ổn định và không ngừng cải tiến.

- Kiểm tra kiểm soát quy trình sản xuất chặt chẽ, đảm bảo máy móc vận hành thông suốt, không để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến sản xuất.
- Tăng cường các biện pháp quản lý định mức, kiểm soát chi phí chặt chẽ, nâng cao năng suất lao động ở các bộ phận.

Về quản trị doanh nghiệp

- Tăng cường hợp tác nội bộ nhằm phát huy sức mạnh tập thể; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở các bộ phận.
- Duy trì năng lực tài chính vững mạnh và nâng cao năng lực quản trị công ty.

Các chỉ tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	206.707.806.241	242.224.990.797	17%
Doanh thu thuần	272.679.068.667	323.876.469.275	19%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	26.226.338.301	47.237.031.464	80%
Lợi nhuận khác	(1.301.899.671)	384.095.886	130%
Lợi nhuận trước thuế	24.924.438.630	47.621.127.350	91%
Lợi nhuận sau thuế	19.766.923.730	37.895.149.271	92%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	43%	14%	-67%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu/Benchmarks	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,08	2,31	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,27	1,35	
(Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	32,92%	30,18%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	49,07%	43,23%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,90	2,81	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,32	1,34	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,25%	11,70%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	14,26%	22,41%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	9,56%	15,64%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	9,62%	14,58%	

II. Kế hoạch kinh doanh năm 2018 và các giải pháp thực hiện

1. Đánh giá triển vọng và thách thức năm 2018

Triển vọng

Theo các dự báo của các tổ chức kinh tế thế giới và các chuyên gia trong nước, kinh tế Việt nam sẽ tiếp tục ổn định trong năm 2018, GDP ước đạt tăng trưởng khoảng 6.8%, từ đó sẽ kéo theo thu nhập người dân sẽ tăng theo nên tiêu dùng người dân dự đoán cũng sẽ tăng lên.

Thị trường mỹ phẩm Việt Nam được đánh giá là rất tiềm năng, tăng trưởng hàng năm lên đến 2 con số và dự báo đến năm 2020, quy mô thị trường có thể đạt mốc 2.2 tỷ USD.

Thách thức

Cạnh tranh gay gắt trong ngành đến từ các đối thủ quốc tế lẫn trong nước.

Sự gia nhập ngành của các đơn vị nhỏ lẻ và các thương hiệu mới xuất xứ từ các nước tiên tiến.

Hệ thống sản xuất cần được cải tiến liên tục để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao, đòi hỏi nguồn vốn đầu tư và trình độ cải tiến công nghệ của nhân sự cần được đáp ứng một cách kịp thời.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2018 của Công ty

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH 2018	TH 2017	Tăng trưởng(%)
Doanh thu	390	333	17.04%
Lợi nhuận trước thuế	53	47,6	11.3%

Tỷ lệ cổ tức năm 2018: 10%

3. Các giải pháp trọng tâm 2018

- Về hoạt động kinh doanh: Tập trung lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, duy trì và phát triển hệ thống, mở rộng kênh phân phối và tích cực bám sát diễn biến thị trường, chủ động linh hoạt đề ra những giải pháp, chiến lược cụ thể để thực hiện thành công kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Về hoạt động tài chính: thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược, huy động vốn thành công để thực hiện dự án đầu tư của Công ty, từng bước nâng cao năng lực tài chính và quy mô để thực hiện các chiến lược dài hạn của Công ty trong tương lai.
- Về hoạt động sản xuất: duy trì sản xuất luôn được thông suốt và vận hành có hiệu quả, tiếp tục chú trọng các hoạt động nghiên cứu và phát triển để nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm, gia tăng sản lượng, nâng cao hiệu suất hoạt động góp phần cải thiện hiệu quả kinh doanh.
- Về hoạt động đầu tư: đẩy mạnh phát triển hệ thống phân phối, đầu tư thêm máy móc thiết bị để mở rộng sản xuất, cải tiến sản phẩm, từng bước hoàn thiện chuỗi giá trị để đáp ứng yêu cầu phát triển phân khúc thị trường trung cao cấp trong tương lai.
- Về quản trị doanh nghiệp: tiếp tục từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị theo hướng năng động, chuyên nghiệp. Tập trung quản trị các nguồn lực Công ty hiệu quả hơn và quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Từng bước tạo môi trường văn hóa doanh nghiệp tích cực, sáng tạo, nhân văn và ổn định.
- Về hoạt động đối ngoại: tiếp tục đa dạng hóa các quan hệ cung cấp, kinh doanh, đầu tư, tài trợ vốn để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm gia tăng hiệu quả và mở rộng đầu tư của Công ty trong tương lai.
- Về hoạt động cộng đồng: tích cực hoạt động có hiệu quả trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với cộng đồng thông qua việc sản xuất có hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường, tham gia các hoạt động từ thiện.

Trên đây là kết quả hoạt động kinh doanh sản xuất năm 2017 và kế hoạch năm 2018 báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Mỹ Phẩm Sài Gòn. Với nỗ lực và quyết tâm cao, Chúng tôi sẽ tập trung toàn lực thực hiện các mục tiêu kinh doanh 2018 đã đề ra đồng thời đảm bảo tăng trưởng bền vững cho những năm tiếp theo trong giai đoạn 2015-2020.

CÁC BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2017 Công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, cụ thể là:

- Doanh thu năm 2017 đạt 333 tỷ đồng, tăng 20,71% so với 2016 và vượt 7,49% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2017 đạt 47,6 tỷ đồng, tăng 91,06% so với 2016 và vượt 67,68% so với kế hoạch.
- Tình hình tài chính tiếp tục lành mạnh, an toàn, có khả năng đáp ứng các nghĩa vụ và cam kết một cách kịp thời.
- Hoạt động sản xuất của Công ty tiếp tục ổn định, vận hành thông suốt, chất lượng sản phẩm được nâng cao.
- Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới được đẩy mạnh.
- Hoạt động truyền thông và quảng cáo được tăng cường mạnh mẽ, nhờ đó mà thương hiệu ngày càng phổ quát.
- Hệ thống phân phối tiếp tục mở rộng và duy trì tốt, sản phẩm mới đáp ứng các yêu cầu của thị trường, đến gần với người tiêu dùng.
- Đời sống người lao động tiếp tục được cải thiện.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

2.1 Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc trong năm qua không có sự thay đổi về số lượng, gồm 09 thành viên gồm: Tổng Giám đốc và 08 Giám đốc Phòng ban được phân công phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng, hàng quý để triển khai các Nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT và các cuộc họp bất thường để giải quyết các tình huống phát sinh một cách kịp thời. Hầu hết các cuộc họp đều hiệu quả, tập trung vào các vấn đề chính và bám sát tình hình thực tế.

2.2 Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Bên cạnh việc giám sát thông qua hệ thống báo cáo bằng văn bản của Ban Tổng giám đốc định kỳ về các hoạt động của Công ty, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT còn tham gia một số cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc, của các Ban chuyên môn nghiệp vụ Công ty để nghe báo cáo trực tiếp về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các phòng ban, đồng thời có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp, đảm bảo các quyết định chỉ đạo của HĐQT được kịp thời và bám sát tình hình SXKD thực tế của công ty. Các cuộc họp này diễn ra một cách dân chủ, hiệu quả tạo sự đoàn kết thống nhất cao trong chỉ đạo và thực thi trong tập thể lãnh đạo và phòng ban chuyên môn.

2.3 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- Trong năm qua, trước sự biến động của môi trường kinh doanh, Ban Tổng giám đốc luôn bám sát tình hình thực tế thị trường, tập trung nguồn lực và trí tuệ vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, cập nhật xu hướng tiêu dùng mới, sáng tạo nghiên cứu sản phẩm mới đáp ứng thị hiếu một cách kịp thời, nắm bắt xu thế, nhạy bén trong việc đẩy mạnh các hoạt động truyền thông sản phẩm tạo hiệu ứng tích cực đối với thương hiệu và hệ thống của Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chủ động linh hoạt, triển khai quyết liệt, thận trọng, chắc chắn và có hiệu quả các quyết sách của Hội đồng quản trị, nhờ đó mà đã đạt được các kết quả đáng khích lệ.
- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2017 và đã đạt vượt kế hoạch kinh doanh năm 2017 do ĐHCĐ đề ra.

3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2017

- Năm 2017, Hội đồng quản trị tổ chức các phiên họp định kỳ để nghe Ban Tổng giám đốc Công ty báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý, dự kiến kế hoạch kinh doanh, đầu tư của Quý tiếp theo. Bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, quyết định hợp lý nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi để Ban Tổng giám đốc Công ty hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đầu tư. Sau các cuộc họp điều hành các Nghị quyết HĐQT, tổ chức giám sát thực hiện triển khai từng công việc cụ thể. Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 04 (bốn) cuộc họp và ban hành 05 (năm) Nghị quyết HĐQT.
- Các thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp với các phòng ban chức năng được phụ trách và có những ý kiến chỉ đạo, giải pháp thực hiện để đảm bảo việc điều hành và vận hành của các phòng ban chức năng theo đúng định hướng của Hội đồng quản trị và của Công ty.
- Chuẩn bị tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông và tham dự đầy đủ tại các kỳ Đại hội.
- Thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định.

- Tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát Công ty hoạt động có hiệu quả.
- Nhìn chung, trong năm 2017, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò định hướng, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD của Công ty, ban hành các quyết sách đúng đắn, các biện pháp kịp thời. Các thành viên HĐQT tích cực, chủ động, sáng tạo đưa ra ý kiến có hiệu quả trong việc giải quyết các tình huống khó khăn của Công ty.

4. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2018:

- Đề xuất với ĐHCĐ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty, với các chỉ tiêu chính như sau:
 - Doanh thu: 390 tỷ đồng, tăng 17,04% so với năm 2017
 - Lợi nhuận trước thuế: 53 tỷ đồng, tăng 11,3% so với năm 2017.
 - Tỷ lệ cổ tức năm 2018: 10%
- Triển khai việc phát hành cổ phiếu cho đối tác chiến lược, huy động vốn thành công.
- Chỉ đạo triển khai mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, phát triển kênh phân phối.
- Chỉ đạo triển khai đầu tư máy móc thiết bị phát triển dòng sản phẩm mới.
- Triển khai chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động ESOP thành công.
- Chỉ đạo hoàn thiện quy trình, quy chế nội bộ phù hợp với các thay đổi quy định pháp lý mới và phù hợp với nhu cầu phát triển của nội bộ công ty.
- Các hoạt động khác nhằm thúc đẩy kinh doanh, đầu tư, tài chính của Công ty.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018 như sau:

I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

1. Đánh giá các yếu tố thuận lợi và khó khăn trong năm 2017

Thuận lợi:

- GDP Việt Nam năm 2017 dự kiến tăng trưởng 6.81%, lạm phát được kiểm soát ở mức vừa phải, chỉ số giá tiêu dùng CPI năm 2017 ước tính tăng 3,53%. Kinh tế vĩ mô nhìn chung ổn định nên thu nhập và mức tiêu dùng của người dân có cải thiện.
- Chi tiêu của người tiêu dùng Việt Nam cho mỹ phẩm đang có xu hướng tăng dần qua các năm.
- Thương hiệu của Công ty có uy tín và được người tiêu dùng tin tưởng và lựa chọn sản phẩm để sử dụng trong nhiều năm.
- Quy trình sản xuất mỹ phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế CGMP.

Khó khăn

- Cạnh tranh gay gắt khi thị trường mỹ phẩm Việt Nam bị chi phối bởi những doanh nghiệp nước ngoài đang chiếm 90% thị phần tại Việt Nam
- Cạnh tranh không lành mạnh từ các sản phẩm giả và các sản phẩm kém chất lượng không rõ nguồn gốc trên thị trường.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban Điều Hành đã thực hiện các chiến lược kinh doanh phù hợp nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu đã đề ra, cụ thể như sau:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	<u>KH 2017</u>	<u>TH 2017</u>	<u>TH 2016</u>
Doanh thu	310	333	276
Lợi nhuận trước thuế	28,4	47,6	24,9

- Doanh thu hoạt động SX kinh doanh năm 2017 là 333 tỷ đồng, đạt 107.49% so với kế hoạch và tăng 20.71% so với năm 2016 .
- Lợi nhuận trước thuế năm 2017 là 47,6 tỷ đồng, đạt 167,68% so với kế hoạch và tăng 91,06% so với năm 2016.

Để vượt mục tiêu kế hoạch kinh doanh, trong năm 2017, Công ty tập trung thực hiện chiến lược tăng trưởng bền vững thông qua các biện pháp như sau:

Về hoạt động kinh doanh

- Đẩy mạnh phát triển các thương hiệu chủ lực thông qua việc mở rộng các kênh phân phối và tăng cường các hoạt động truyền thông.
- Phát triển sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu thị trường và loại bỏ những sản phẩm không hiệu quả, đẩy mạnh dòng sản phẩm chăm sóc cá nhân.
- Đẩy mạnh bán hàng sản phẩm trung cao cấp và tập trung vào thị trường trong nước.
- Đẩy mạnh hoạt động tiếp thị các sản phẩm cao cấp.
- Gia tăng doanh thu gia công nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả của công ty.

Về hoạt động sản xuất

- Tiếp tục duy trì chất lượng sản phẩm ổn định và không ngừng cải tiến.
- Kiểm tra kiểm soát quy trình sản xuất chặt chẽ, đảm bảo máy móc vận hành thông suốt, không để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến sản xuất.
- Tăng cường các biện pháp quản lý định mức, kiểm soát chi phí chặt chẽ, nâng cao năng suất lao động ở các bộ phận.

Về quản trị doanh nghiệp

- Tăng cường hợp tác nội bộ nhằm phát huy sức mạnh tập thể; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở các bộ phận.
- Duy trì năng lực tài chính vững mạnh và nâng cao năng lực quản trị công ty.

II. Kế hoạch kinh doanh năm 2018 và các giải pháp thực hiện

1. Đánh giá triển vọng và thách thức năm 2018

Triển vọng

Theo các dự báo của các tổ chức kinh tế thế giới và các chuyên gia trong nước, kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục ổn định trong năm 2018, GDP ước đạt tăng trưởng khoảng 6.8%, từ đó sẽ kéo theo thu nhập người dân sẽ tăng theo nên tiêu dùng người dân dự đoán cũng sẽ tăng lên.

Thị trường mỹ phẩm Việt Nam được đánh giá là rất tiềm năng, tăng trưởng hàng năm lên đến 2 con số và dự báo đến năm 2020, quy mô thị trường có thể đạt mốc 2.2 tỷ USD.

Thách thức

Cạnh tranh gay gắt trong ngành đến từ các đối thủ quốc tế lẫn trong nước.

Sự gia nhập ngành của các đơn vị nhỏ lẻ và các thương hiệu mới xuất xứ từ các nước tiên tiến.

Hệ thống sản xuất cần được cải tiến liên tục để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao, đòi hỏi nguồn vốn đầu tư và trình độ cải tiến công nghệ của nhân sự cần được đáp ứng một cách kịp thời.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2018 của Công ty

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH 2018	TH 2017	Tăng trưởng(%)
Doanh thu	390	333	17.04%
Lợi nhuận trước thuế	53	47,6	11.3%

Tỷ lệ cổ tức năm 2018: 10%

3. Các giải pháp trọng tâm 2018

- Về hoạt động kinh doanh: Tập trung lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, duy trì và phát triển hệ thống, mở rộng kênh phân phối và tích cực bám sát diễn biến thị trường, chủ động linh hoạt đề ra những giải pháp, chiến lược cụ thể để thực hiện thành công kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Về hoạt động tài chính: thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược, huy động vốn thành công để thực hiện dự án đầu tư của Công ty, từng bước nâng cao năng lực tài chính và quy mô để thực hiện các chiến lược dài hạn của Công ty trong tương lai.
- Về hoạt động sản xuất: duy trì sản xuất luôn được thông suốt và vận hành có hiệu quả, tiếp tục chú trọng các hoạt động nghiên cứu và phát triển để nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm, gia tăng sản lượng, nâng cao hiệu suất hoạt động góp phần cải thiện hiệu quả kinh doanh.
- Về hoạt động đầu tư: đẩy mạnh phát triển hệ thống phân phối, đầu tư thêm máy móc thiết bị để mở rộng sản xuất, cải tiến sản phẩm, từng bước hoàn thiện chuỗi giá trị để đáp ứng yêu cầu phát triển phân khúc thị trường trung cao cấp trong tương lai.
- Về quản trị doanh nghiệp: tiếp tục từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị theo hướng năng động, chuyên nghiệp. Tập trung quản trị các nguồn lực Công ty hiệu quả hơn và quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Từng bước tạo môi trường văn hóa doanh nghiệp tích cực, sáng tạo, nhân văn và ổn định.

- Về hoạt động đối ngoại: tiếp tục đa dạng hóa các quan hệ cung cấp, kinh doanh, đầu tư, tài trợ vốn để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm gia tăng hiệu quả và mở rộng đầu tư của Công ty trong tương lai.
- Về hoạt động cộng đồng: tích cực hoạt động có hiệu quả trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với cộng đồng thông qua việc sản xuất có hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường, tham gia các hoạt động từ thiện.

Trên đây là kết quả hoạt động kinh doanh sản xuất năm 2017 và kế hoạch năm 2018 báo cáo tại ĐHCĐ thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Mỹ Phẩm Sài Gòn. Với nỗ lực và quyết tâm cao, Chúng tôi sẽ tập trung toàn lực thực hiện các mục tiêu kinh doanh 2018 đã đề ra đồng thời đảm bảo tăng trưởng bền vững cho những năm tiếp theo trong giai đoạn 2015-2020.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phan Văn Dũng

Ý KIẾN CÔNG TY KIỂM TOÁN

Số: 593 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mỹ Phẩm Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mỹ Phẩm Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình

bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm [
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		168.580.694.185	141.226.949.539
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	28.459.258.197	21.127.644.225
1. Tiền	111		10.007.209.486	8.693.644.225
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.452.048.711	12.434.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41.112.497.526	28.650.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	41.112.497.526	28.650.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.246.003.349	36.228.405.338
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	20.375.446.205	28.057.061.825
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	5.964.715.282	7.117.016.569
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.361.339.100	1.441.337.772
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(455.497.238)	(387.010.828)
IV. Hàng tồn kho	140	10	69.717.835.655	54.786.069.636
1. Hàng tồn kho	141		75.316.401.304	58.598.377.277
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.598.565.649)	(3.812.307.641)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.045.099.458	434.830.340
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	831.577.681	428.430.715
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.213.521.777	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	6.399.625
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		73.644.296.612	65.480.856.702
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		819.716.025	761.239.206
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	12	262.500.000	281.250.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	557.216.025	479.989.206
II. Tài sản cố định	220		33.033.526.096	32.776.006.896
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	26.184.201.885	21.333.573.266
- Nguyên giá	222		56.129.422.852	48.197.474.158
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.945.220.967)	(26.863.900.892)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	6.849.324.211	11.442.433.630
- Nguyên giá	228		6.949.720.195	12.259.658.369
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(100.395.984)	(817.224.739)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	5.201.509.436	-
- Nguyên giá	231		6.916.189.601	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.714.680.165)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.141.332.076	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	2.141.332.076	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		30.000.000.000	30.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	30.000.000.000	30.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.448.212.979	1.943.610.600
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.448.212.979	1.943.610.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		242.224.990.797	206.707.806.241

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm [
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		73.102.989.547	68.042.176.875
I. Nợ ngắn hạn	310		73.003.989.547	67.943.176.875
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	25.580.884.275	23.665.105.967
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	4.269.573.382	5.297.068.707
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	9.667.553.254	4.817.052.026
4. Phải trả người lao động	314		21.981.337.170	15.536.363.695
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	4.864.748.325	8.010.705.162
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	6.149.593.233	9.384.614.308
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	490.299.908	1.232.267.010
II. Nợ dài hạn	330		99.000.000	99.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	22	99.000.000	99.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		169.122.001.250	138.665.629.366
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	169.122.001.250	138.665.629.366
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.630.390.000	80.630.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.630.390.000	80.630.390.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.544.846.942	24.544.846.942
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.302.612.339	15.314.266.152
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.644.151.969	18.176.126.272
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		16.199.433.898	4.859.633.742
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		31.444.718.071	13.316.492.530
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		242.224.990.797	206.707.806.241
(440=300+400)				

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		333.215.158.445	276.055.479.248
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		9.338.689.170	3.376.410.581
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	323.876.469.275	272.679.068.667
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	174.722.246.825	158.245.988.650
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		149.154.222.450	114.433.080.017
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.063.075.927	3.895.867.416
7. Chi phí tài chính	22		115.492.315	574.080.696
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	19.650.000
8. Chi phí bán hàng	25	28	79.347.903.775	67.879.656.107
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	25.516.870.823	23.648.872.329
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		47.237.031.464	26.226.338.301
11. Thu nhập khác	31	30	679.874.585	510.102.912
12. Chi phí khác	32	31	295.778.699	1.812.002.583
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		384.095.886	(1.301.899.671)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		47.621.127.350	24.924.438.630
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	9.725.978.079	5.157.514.900
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		37.895.149.271	19.766.923.730
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	4.183	2.329

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	47.621.127.350	24.924.438.630
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.079.171.485	3.071.440.929
Các khoản dự phòng	03	1.854.744.418	(1.490.363.341)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(9.117.895)	17.625.383
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.835.759.593)	(1.700.191.671)
Chi phí lãi vay	06	-	19.650.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	50.710.165.765	24.842.599.930
Thay đổi các khoản phải thu	09	7.891.553.914	(9.101.213.353)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(16.718.024.027)	(798.226.544)
Thay đổi các khoản phải trả	11	5.073.769.731	10.865.668.274
Thay đổi chi phí trả trước	12	(907.749.345)	(17.705.702)
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	-	2.320.202.026
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(19.650.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.417.015.814)	(3.605.227.353)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.730.313.289)	(807.591.135)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	38.902.386.935	23.678.856.143
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(11.679.532.197)	(7.678.069.870)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	1.727.272.727
3. Tiền chi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23	(79.729.307.078)	(84.731.659.077)
4. Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	67.266.809.552	104.082.617.410
5. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.660.884.375	3.574.280.509
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.481.145.348)	16.974.441.699
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	7.400.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(7.400.000.000)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(10.101.824.500)	(53.073.063.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.101.824.500)	(53.073.063.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	7.319.417.087	(12.419.766.058)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	21.127.644.225	33.524.193.323
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	12.196.885	23.216.960
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	28.459.258.197	21.127.644.225

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mỹ Phẩm Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300767984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 01 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 27 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 930 Nguyễn Thị Định, KCN Cát Lái (Cụm II), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có ba chi nhánh và bốn địa điểm kinh doanh như sau:

<u>Chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Hà Nội	14 Trung Yên 3, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Chi nhánh Quảng Ninh	Kiot B126, Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
Chi nhánh Hải Phòng	Lô 1/20, Khu đô thị mới, Ngã 5 sân bay Cát Bi, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

<u>Địa điểm kinh doanh</u>	<u>Địa chỉ</u>
Phòng trưng bày An Đông Plaza	Trung tâm thương mại An Đông Plaza, 18 An Dương Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Phòng trưng bày Mạc Thị Bưởi	90 Mạc Thị Bưởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Phòng trưng bày Maxi Cộng Hòa	Tầng 1 Siêu thị MaxiMark Cộng Hòa, 15 – 17 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Phòng trưng bày Vivo City	1058 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên chính thức của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 302 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 244 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh hóa mỹ phẩm.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bán sỉ, bán lẻ, xuất nhập khẩu các loại mỹ phẩm, máy móc thiết bị phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh ngành hóa mỹ phẩm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về thông tin so sánh trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp hành tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng.

Dự phòng của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	4 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp

đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị sổ sách của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính trong vòng năm năm.

Bất động sản đầu tư cho thuê

Bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm nhà và đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính từ 25 đến 50 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng một đến hai năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng Báo cáo tài chính riêng hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Tiền mặt	987.901.377	333.406.705
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.952.089.034	8.360.237.520
Tiền đang chuyển	67.219.075	-
Các khoản tương đương tiền (*)	18.452.048.711	12.434.000.000
	<u>28.459.258.197</u>	<u>21.127.644.225</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất cố định từ 5,4%/năm đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: từ 4,7%/năm đến 5,4%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên sáu tháng đến dưới một năm tại các ngân hàng thương mại trong nước. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất cố định từ 6,2%/năm đến 7,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 6%/năm đến 6,8%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Công ty TNHH Thương mại Cường Tiên Hà Khẩu	3.106.251.061	3.663.106.881
Bà Nguyễn Thị Thanh Chi	2.731.219.088	2.047.207.909
Công ty TNHH Mê-Đi-Ca	2.571.140.583	617.554.817
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh	2.388.903.323	6.210.651.167
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thái Bình	2.778.617	3.546.787.771
Các khách hàng khác	9.575.153.533	11.971.753.280
	<u>20.375.446.205</u>	<u>28.057.061.825</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Cơ khí Phú Lợi	2.202.104.124	1.067.814.000
Công ty TNHH Minh Long I	983.466.000	872.520.000
Guangzhou Unitech Electronic Technology Co Ltd.	474.972.480	1.159.239.169
Công ty TNHH Bao Bì Thủy Tinh Dihana	589.080.000	589.080.000
Các nhà cung cấp khác	1.715.092.678	3.428.363.400
	<u>5.964.715.282</u>	<u>7.117.016.569</u>

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	770.035.045	595.159.827
- Tạm ứng cho nhân viên	303.997.124	440.271.140
- Ký quỹ	258.203.500	209.883.000
- Các khoản phải thu khác	29.103.431	196.023.805
	1.361.339.100	1.441.337.772
b. Dài hạn		
- Ký quỹ thuê cửa hàng	554.216.025	476.989.206
- Ký quỹ dài hạn khác	3.000.000	3.000.000
	557.216.025	479.989.206

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<i>Giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:</i>				
DNTN Thương mại Minh Tâm	66.264.000	(66.264.000)	66.264.000	(66.264.000)
Công ty TNHH TM DV & SX Minh Chương	60.466.241	(60.466.241)	60.466.241	(60.466.241)
Công ty TNHH C H C	44.508.398	(44.508.398)	44.508.398	(44.508.398)
Tạm ứng cho nhân viên	-	-	8.290.000	(8.239.000)
Các tổ chức, cá nhân khác	358.049.097	(284.258.599)	256.154.830	(207.533.189)
	529.287.736	(455.497.238)	435.683.469	(387.010.828)

Biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm nay và năm trước như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	387.010.828	346.277.503
Trích lập dự phòng	68.486.410	40.733.325
Số cuối năm	455.497.238	387.010.828

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	1.343.631.113	-	38.271.760	-
Nguyên liệu, vật liệu	49.835.027.880	(4.688.930.852)	41.088.850.353	(3.268.925.968)
Công cụ, dụng cụ	572.087.036	(77.896.876)	513.079.178	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.838.256.136	(110.963.234)	2.875.516.594	(130.870.640)
Thành phẩm	16.153.380.402	(454.891.187)	13.700.086.810	(205.995.789)
Hàng hóa	2.574.018.737	(265.883.500)	382.572.582	(206.515.244)
	75.316.401.304	(5.598.565.649)	58.598.377.277	(3.812.307.641)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị hàng tồn kho đã được lập dự phòng theo quy định là 5.598.565.649 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.812.307.641 đồng).

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm nay và năm trước như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	3.812.307.641	3.598.810.107
Trích lập dự phòng	2.414.640.226	2.388.478.482
Hoàn nhập dự phòng	(628.382.218)	(2.174.980.948)
Số cuối năm	5.598.565.649	3.812.307.641

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm	211.035.752	102.967.069
- Chi phí thuê mặt bằng	329.829.511	109.215.426
- Các khoản khác	290.712.418	216.248.220
	831.577.681	428.430.715
b. Dài hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.172.174.289	1.237.989.308
- Chi phí sửa chữa	1.201.366.437	514.456.837
- Các khoản khác	74.672.253	191.164.455
	2.448.212.979	1.943.610.600

12. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

Tại ngày 22 tháng 12 năm 2015, Công ty ký hợp đồng cho vay dài hạn với Ông Nguyễn Hoàng Minh với số tiền 300.000.000 đồng theo Chính sách vay vốn ưu đãi của Công ty cho nhân viên. Thời hạn cho vay là 16 năm. Khoản cho vay này được hưởng lãi suất 6%/năm trong hai năm đầu tiên và không quá 10%/năm kể từ năm thứ ba. Ông Nguyễn Hoàng Minh đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

và sở hữu nhà địa chỉ số 197 Bình Thạnh, Xã Bình Tịnh, Huyện Tân Trụ, Tỉnh Long An để đảm bảo cho khoản vay này.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	24.055.605.609	14.900.114.059	8.606.831.893	634.922.597	48.197.474.158
Tăng trong năm	-	7.237.501.003	118.181.818	31.147.400	7.386.830.221
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.858.640.000	-	-	-	1.858.640.000
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.313.521.527)	-	-	-	(1.313.521.527)
Số cuối năm	<u>24.600.724.082</u>	<u>22.137.615.062</u>	<u>8.725.013.711</u>	<u>666.069.997</u>	<u>56.129.422.852</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	12.856.153.389	11.534.023.981	1.881.514.025	592.209.497	26.863.900.892
Khấu hao trong năm	1.499.829.688	1.641.379.066	755.014.784	3.048.603	3.899.272.141
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(817.952.066)	-	-	-	(817.952.066)
Số cuối năm	<u>13.538.031.011</u>	<u>13.175.403.047</u>	<u>2.636.528.809</u>	<u>595.258.100</u>	<u>29.945.220.967</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	<u>11.199.452.220</u>	<u>3.366.090.078</u>	<u>6.725.317.868</u>	<u>42.713.100</u>	<u>21.333.573.266</u>
Tại ngày cuối năm	<u>11.062.693.071</u>	<u>8.962.212.015</u>	<u>6.088.484.902</u>	<u>70.811.897</u>	<u>26.184.201.885</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 12.706.878.776 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 12.504.953.776 đồng).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	12.213.158.369	46.500.000	12.259.658.369
Tăng trong năm	-	292.729.900	292.729.900
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(5.602.668.074)	-	(5.602.668.074)
Số cuối năm	<u>6.610.490.295</u>	<u>339.229.900</u>	<u>6.949.720.195</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	784.674.739	32.550.000	817.224.739
Khấu hao trong năm	112.053.360	67.845.984	179.899.344
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(896.728.099)	-	(896.728.099)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>100.395.984</u>	<u>100.395.984</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	<u>11.428.483.630</u>	<u>13.950.000</u>	<u>11.442.433.630</u>
Tại ngày cuối năm	<u>6.610.490.295</u>	<u>238.833.916</u>	<u>6.849.324.211</u>

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	-	-	-
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	1.313.521.527	-	1.313.521.527
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	5.602.668.074	5.602.668.074
Số cuối năm	<u>1.313.521.527</u>	<u>5.602.668.074</u>	<u>6.916.189.601</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	-	-	-
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	817.952.066	-	817.952.066
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	896.728.099	896.728.099
Số cuối năm	<u>817.952.066</u>	<u>896.728.099</u>	<u>1.714.680.165</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày cuối năm	<u>495.569.461</u>	<u>4.705.939.975</u>	<u>5.201.509.436</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được xác định do Công ty chưa thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo tài chính.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 thể hiện giá trị của công trình Skincare và hệ thống Gas UNDP chưa hoàn thành.

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Địa ốc sông Sài Gòn Thanh Đa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102056760 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09 tháng 7 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Địa ốc sông Sài Gòn Thanh Đa là 100.000.000.000 đồng; trong đó, Công ty đã góp 30.000.000.000 đồng tương đương 30% vốn điều lệ.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Venus Inc. Vietnam	4.809.979.081	-
Venus Inc Pte Ltd	-	3.162.800.000
Các nhà cung cấp khác	20.770.905.194	20.502.305.967
	<u>25.580.884.275</u>	<u>23.665.105.967</u>

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thái Bình	3.691.959.170	4.190.721.170
Các khách hàng khác	577.614.212	1.106.347.537
	<u>4.269.573.382</u>	<u>5.297.068.707</u>

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	158.356.798	8.093.585.195	8.251.941.993	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(6.399.625)	5.237.524.780	5.231.125.155	-
Thuế nhập khẩu	-	1.692.657.902	1.692.657.902	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.051.160.655	9.985.478.993	5.417.015.814	8.619.623.834
Thuế thu nhập cá nhân	542.155.626	3.895.259.583	3.389.485.789	1.047.929.420
Các khoản thuế khác	65.378.947	-	65.378.947	-
	<u>4.810.652.401</u>	<u>28.904.506.453</u>	<u>24.047.605.600</u>	<u>9.667.553.254</u>

Trong đó:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	6.399.625	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>4.817.052.026</u>	<u>9.667.553.254</u>

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Chi phí phải trả ngắn hạn thể hiện chi phí trích trước liên quan đến khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng cho nhà phân phối.

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
a. Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	46.736.370	23.166.700
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	507.807.126	533.753.466
- Cổ tức phải trả	883.529.479	4.534.922.779
- Bà Vi Thị Huyền (Công ty TNHH Thương Mại Cường Tiên Hà Khẩu) – mượn tiền	2.525.907.451	2.525.907.451
- Bà Nguyễn Thị Tập – mượn tiền	719.428.480	719.428.480
- Nhận ký quỹ mua hàng	1.314.615.000	815.110.000
- Phải trả khác	151.569.327	232.325.432
	<u>6.149.593.233</u>	<u>9.384.614.308</u>
b. Dài hạn		
- Nhận ký quỹ thuê văn phòng	<u>99.000.000</u>	<u>99.000.000</u>

23. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Quỹ này hình thành từ việc trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Số đầu năm	1.232.267.010	515.684.950
Trích quỹ (Thuyết minh số 24)	988.346.187	2.049.617.683
Sử dụng quỹ	(1.730.313.289)	(1.333.035.623)
Số cuối năm	<u>490.299.908</u>	<u>1.232.267.010</u>

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	80.630.390.000	24.544.846.942	13.264.648.469	53.305.583.608	171.745.469.019
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	19.766.923.730	19.766.923.730
Trích lập các quỹ	-	-	2.049.617.683	(4.099.235.366)	(2.049.617.683)
Chia cổ tức	-	-	-	(16.126.078.000)	(16.126.078.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016	-	-	-	(6.450.431.200)	(6.450.431.200)
Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2016	-	-	-	(28.220.636.500)	(28.220.636.500)
Số dư cuối năm trước	80.630.390.000	24.544.846.942	15.314.266.152	18.176.126.272	138.665.629.366
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	37.895.149.271	37.895.149.271
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	988.346.187	(988.346.187)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(988.346.187)	(988.346.187)
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017	-	-	-	(2.418.911.700)	(2.418.911.700)
Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2017	-	-	-	(4.031.519.500)	(4.031.519.500)
Số dư cuối năm nay	80.630.390.000	24.544.846.942	16.302.612.339	47.644.151.969	169.122.001.250

Cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phần đang lưu hành + <i>Cổ phần phổ thông</i>	8.063.039 8.063.039	8.063.039 8.063.039
- Mệnh giá đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 ngày 27 tháng 4 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 80.630.390.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Cổ phần	%	VND	Cổ phần	%	VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	3.932.930	48,78	39.329.300.000	2.787.836	34,58	27.878.360.000
Tổng công ty Thương mại Sài Gòn - Satra	588.816	7,30	5.888.160.000	588.816	7,30	5.888.160.000
Cán bộ công nhân viên	776.919	9,64	7.769.190.000	622.926	7,72	6.229.260.000
Tổ chức và cá nhân nước ngoài	1.583.939	19,64	15.839.390.000	1.185.167	14,70	11.851.670.000
Các cổ đông khác	1.180.435	14,64	11.804.350.000	2.878.294	35,70	28.782.940.000
	8.063.039	100	80.630.390.000	8.063.039	100	80.630.390.000

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/ĐHĐCĐ/2017 thông qua ngày 14 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016 ở mức 43% vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 34.671.067.700 đồng.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/HĐQT/2017 ngày 14 tháng 4 năm 2017, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt phương án tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2017 từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017 ở mức 3% vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 2.418.911.700 đồng.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/HĐQT/2017 ngày 03 tháng 11 năm 2017, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt phương án tạm chia cổ tức đợt 2 năm 2017 từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017 ở mức 5% vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 4.031.519.500 đồng.

25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu – Thành phẩm	324.854.128.443	271.954.802.135
Doanh thu – Hàng hóa, vật tư và khác	7.821.030.002	3.669.640.702
Doanh thu – Dịch vụ	540.000.000	431.036.411
	<u>333.215.158.445</u>	<u>276.055.479.248</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(2.388.678.025)	(754.771.553)
Hàng bán bị trả lại	(6.950.011.145)	(2.621.639.028)
	<u>(9.338.689.170)</u>	<u>(3.376.410.581)</u>
Doanh thu thuần	<u>323.876.469.275</u>	<u>272.679.068.667</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Giá vốn hàng bán – Thành phẩm	162.638.096.752	150.818.486.940
Giá vốn hàng bán – Hàng hóa, vật tư và khác	10.297.892.065	7.214.004.176
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.786.258.008	213.497.534
	<u>174.722.246.825</u>	<u>158.245.988.650</u>

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Chi phí nhân viên	63.804.578.044	53.616.316.192
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	152.729.069.806	125.378.892.009
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.079.171.485	3.071.440.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	25.387.327.233	25.328.384.198
Chi phí bằng tiền khác	31.218.937.092	35.001.236.462
	<u>277.219.083.660</u>	<u>242.396.269.790</u>

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Chi phí nhân viên	29.117.464.263	21.095.260.354
Chi phí quảng cáo	13.779.147.781	11.205.488.057
Chi phí hỗ trợ nhân viên tiếp thị	10.583.512.747	8.008.414.731
Chi phí khác	25.867.778.984	27.570.492.965
	<u>79.347.903.775</u>	<u>67.879.656.107</u>

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	17.964.128.878	15.772.974.023
Chi phí bằng tiền khác	7.552.741.945	7.875.898.306
	<u>25.516.870.823</u>	<u>23.648.872.329</u>

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ kiểm kê thừa hàng tồn kho	675.277.030	-
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	10.000.000
Thu nhập khác	4.597.555	500.102.912
	679.874.585	510.102.912

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt thuế, phạt hành chính	5.567.273	4.876.017
Lỗi thanh lý tài sản cố định	-	1.807.071.654
Chi phí khác	290.211.426	54.912
	295.778.699	1.812.002.583

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	47.621.127.350	24.924.438.630
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: chi phí không được trừ	1.058.148.627	509.224.231
Cộng: các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	-	419.681.421
Trừ: các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	(80.558.973)	(65.769.781)
Thu nhập tính thuế	48.598.717.004	25.787.574.501
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.719.743.401	5.157.514.900
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	6.234.678	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.725.978.079	5.157.514.900

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.895.149.271	19.766.923.730
Trừ: quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(4.171.029.855)	(988.346.187)
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>33.724.119.416</u>	<u>18.778.577.543</u>
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành (cổ phiếu)	8.063.039	8.063.039
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	<u>4.183</u>	<u>2.329</u>

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế và 15% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch đề ra trong năm 2017, số tiền lợi nhuận sau thuế vượt là 15.175.149.271 đồng, theo Nghị quyết số 01/ĐHĐCĐ/2018 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt thông qua ngày 02 tháng 02 năm 2018.

34. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đô la Mỹ ("USD")	16.208,36	94.228,16
- Euro ("EUR")	168,20	178,03
- Bảng Anh ("GBP")	<u>3,61</u>	<u>3,61</u>

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực hoạt động và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tuy nhiên, do Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh ngành hóa mỹ phẩm nên báo cáo bộ phận được lập theo khu vực địa lý.

Hoạt động của Công ty được phân bổ trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết kết quả kinh doanh chia theo khu vực địa lý như sau:

	Thị trường nội địa <u>VND</u>	Thị trường xuất khẩu <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	278.804.989.654	45.071.479.621	323.876.469.275
Giá vốn hàng bán	<u>146.893.296.156</u>	<u>27.828.950.669</u>	<u>174.722.246.825</u>
Lợi nhuận gộp theo khu vực	<u>131.911.693.498</u>	<u>17.242.528.952</u>	<u>149.154.222.450</u>

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên có quan hệ mật thiết trong gia đình của các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập Tổng Giám đốc, Giám đốc các phòng ban, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Thu nhập của Tổng Giám đốc, Giám đốc các phòng ban	7.357.093.014	4.549.935.818
Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	875.000.000	1.537.300.000
	<u>8.232.093.014</u>	<u>6.087.235.818</u>

37. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường thông qua ngày 02 tháng 02 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt như sau:

- Điều chỉnh tăng tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2017 từ 8% lên 14% vốn điều lệ bằng tiền mặt.
- Tăng vốn điều lệ của Công ty từ 80.630.390.000 đồng lên 84.630.390.000 đồng. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 8.463.039 cổ phần. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 ngày 25 tháng 01 năm 2018 do tăng vốn điều lệ. Đến thời điểm điểm báo cáo này được phát hành, Công ty đã nhận đủ vốn góp theo quy định bằng tiền.
- Thông qua đề xuất khen thưởng hoàn thành vượt kế hoạch năm 2017, mức khen thưởng được tính bằng 15% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch đề ra trong năm cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Công ty, số tiền lợi nhuận sau thuế vượt là 15.175.149.271 đồng.
- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2018 cho cổ đông chiến lược. Mục đích phát hành là đầu tư máy móc thiết bị phát triển dòng sản phẩm mới, mở rộng quy mô kinh doanh, phát triển hệ thống kênh phân phối. Công ty sẽ phát hành thêm 1.036.961 cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá là 10.369.610.000 đồng, tương ứng tỷ lệ 12,25% số lượng cổ phần đang lưu hành.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG

Bên cạnh việc kinh doanh, quan tâm quyền lợi Cán bộ, công nhân viên, cổ đông, khách hàng và với sự đóng góp tích cực từ các Cán bộ, công nhân viên và cổ đông Công ty đã có những hoạt động hướng về cộng đồng. Thực hiện các chương trình: “Cây mùa xuân 2017”, đi bộ vì nạn nhân chất độc da cam và người khuyết tật, tiếp sức mùa thi, xây dựng nhà tình thương, gây quỹ và phát học bổng Lê Duy Tân, học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho học sinh nghèo hiếu học, học sinh giỏi cho con em cán bộ công nhân viên công ty, nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam Anh Hùng, tặng quà người nghèo, khuyết tật, người mù, người già neo đơn, ủng hộ đồng bào thiên tai, lũ lụt, phát quà bệnh nhân nghèo tại các bệnh viện...

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CÔNG TY CP MỸ PHẨM SÀI GÒN

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
(Handwritten signature in blue ink)
Lý Nguyễn Lan Phương